

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 337/2020/DS-ST

Ngày: 21/9/2020

V/v : Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuyền – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 367/2019/TLST-DS, ngày 22 tháng 7 năm 2019, về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2020/QĐXXST-DS ngày 14/8/2020 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2020/QĐST-DS ngày 04/9/2020**, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn M; Sinh năm 1962;

Nơi cư trú: Số 198B/57 đường A, Phường B, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Thu T; Sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Số 45/36/7/9 đường C, Phường D, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị N; Sinh năm 1956;

Nơi cư trú: Số 198B/57 đường A, Phường B, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2019 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn ông Trần Văn M trình bày:

Ngày 02/11/2018, ông M có cho bà Lê Thị Thu T vay số tiền 200.000.000 đồng. Các bên đã tiến hành xác lập hợp đồng vay tiền tại Văn phòng Công chứng Vương Mỹ Hằng trong cùng ngày 02/11/2018 với thỏa thuận, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất do các bên tự thỏa thuận, trả lãi mỗi tháng 01 lần vào ngày 01 đến 05 dương lịch hàng tháng. Hợp đồng có số công chứng 00011168 quyền số 02.TP/SCC/HĐGD. Ông M đã giao đủ số tiền cho vay cho bà T tại Văn phòng Công chứng Vương Mỹ Hằng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà T có làm hợp đồng cố căn nhà 45/36/79 đường C, Phường D, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông M. Hợp đồng này các bên đương sự sử dụng mẫu mua ở cửa hàng bán văn phòng phẩm.

Bà T đã nhận đủ số tiền vay 200.000.000 đồng của ông M, tự viết xác nhận vào mặt sau của Hợp đồng cố nhà như đã trình bày trên trong ngày 02/11/2018 và cam kết giao nhà vào ngày 02/12/2018.

Kể từ ngày bà T vay tiền cho đến nay, bà T chưa thanh toán cho ông M bất kỳ khoản tiền lãi nào. Khi ông M liên hệ để yêu cầu bà T thanh toán nợ vay theo thỏa thuận thì bà T nhiều lần hứa hẹn và luôn tìm cách né tránh.

Nhận thấy bà T đã vi phạm các cam kết khi vay tiền, ngày 28/6/2019 ông M đã làm thông báo yêu cầu bà T thanh toán toàn bộ nợ gốc là 200.000.000 đồng nhưng bà T vẫn không thực hiện.

Vì vậy, ông M làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân Quận 8 và xác định yêu cầu cụ thể là:

- Yêu cầu bà T phải trả lại số tiền nợ gốc đã vay cho ông M là 200.000.000 đồng.
- Phương thức thanh toán: Thanh toán ngay một khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.
- Ông M không yêu cầu bà T thanh toán nợ lãi, chỉ yêu cầu bà T thanh toán nợ gốc đã vay.

Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà bà T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông M yêu cầu Tòa án buộc bà T còn phải trả lãi do chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ông M xác định: Số tiền ông M cho bà T vay là tiền thuộc sở hữu cá nhân của ông M. Vợ ông M là bà Trần Thị N biết sự việc ông M cho bà T vay tiền, nhưng không có ý kiến gì.

Ông M chỉ cho bà T vay, trực tiếp giao dịch và thỏa thuận với bà T, nên nay ông M khởi kiện bà T và chỉ yêu cầu bà T chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán nợ gốc cho ông M.

Ông M xác nhận không tranh chấp gì về hợp đồng cổ nhà ngày 02/11/2018 đã xác lập giữa ông M với bà T. Việc ông M giao nộp hợp đồng trên để chứng minh bà T đã nhận đủ số tiền vay là 200.000.000 đồng, tự tay việc xác nhận và ký tên vào mặt sau của Hợp đồng cổ nhà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án – bà Trần Thị N trình bày biết được sự việc chồng bà là ông Trần Văn M có cho bà Lê Thị Thu T vay số tiền 200.000.000 đồng. Bà N xác định số tiền ông M cho bà T vay là tiền riêng của ông M. Bà N không có ý kiến, yêu cầu gì. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M. Bà N xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải, phiên xét xử của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn – bà Lê Thị Thu T đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà T không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng, bà T cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M. Do đó, Tòa án không thể thu thập được lời khai của bà T.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn – ông Trần Văn M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn – bà Lê Thị Thu T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị N có văn bản xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về thời hạn giải quyết vụ án **chưa** đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 280, 466, 468, 469 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015 tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trần Văn M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Trần Văn M khởi kiện bà Lê Thị Thu T yêu cầu trả nợ gốc theo Hợp đồng vay tài sản đã ký kết có số công chứng 00011168 quyền số 02.TP/SCC/HĐGD được lập ngày 02/11/2018 tại Văn phòng Công chứng Vương Mỹ Hằng, xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa cá nhân với cá nhân. Do bị đơn – bà Lê Thị Thu T có đăng ký hộ khẩu tại Quận 8 và trong Hợp đồng vay tài sản bà T cũng ký xác nhận địa chỉ tại 45/36/7/9 đường C, Phường D, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, mặc dù theo kết quả xác minh của Công an Phường D, Quận 8 ghi nhận bà T có đăng ký thường trú tại địa chỉ trên nhưng hiện nay bà T không có mặt tại địa phương và nguyên đơn không thể biết được nơi ở khác của bị đơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – ông Trần Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị Thanh có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông M, bà N.

Bị đơn – bà Lê Thị Thu T, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bà T vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà T.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2019 và trình bày của nguyên đơn cùng

các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy số tiền ông M cho bà T vay là tiền riêng của ông M. Tại Hợp đồng vay tiền ngày 02/11/2018 đã thể hiện việc giao nhận tiền được thực hiện giữa bên cho vay là ông Trần Văn M cùng chữ ký xác nhận của bên vay là bà Lê Thị Thu T trực tiếp giao dịch với nhau tại Văn phòng Công chứng Vương Mỹ Hằng, ông M không biết về tình trạng hôn nhân của bà T và ông M khởi kiện yêu cầu bà T chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán nợ; Bà Trần Thị N – vợ ông M có văn bản xác nhận số tiền ông M cho bà T vay là tài sản riêng của ông M, bà N biết được sự việc và không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải đưa thêm người tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Về thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự xác lập thỏa thuận vay tiền vào ngày 02/11/2018. Ông M khởi kiện ngày 24/6/2019, vì vậy vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các văn bản thể hiện việc vay tiền ngày 02/11/2018 có chữ ký xác nhận của bà T, cùng việc bà T có làm hợp đồng cõ căn nhà số 45/36/7/9 đường C, Phường D, Quận 8 cho ông M, tự viết xác nhận đã nhận đủ số tiền vay là 200.000.000 đồng và cam kết giao nhà vào ngày 02/12/2018 để đảm bảo cho việc vay tiền đã đủ cơ sở để xác định bà Thảo có vay của ông M tổng số tiền là 200.0000.0000 đồng, với lãi suất do các bên tự thỏa thuận.

Xét giao dịch giữa ông M với bà T là Hợp đồng vay có thời hạn 12 tháng và có lãi. Ngày 28/6/2019, ông M đã gửi Thông báo đòi nợ đến bà T để yêu cầu bà T phải hoàn trả cho ông M toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay. Như vậy, ông M đã thực hiện nghĩa vụ báo trước cho bên vay theo quy định tại Khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015. Tuy nhiên, bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ. Vì vậy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Trong quá trình giải quyết vụ án, để làm rõ khoản nợ nêu trên, Toà án đã nhiều lần triệu tập bà T nhưng bà T không đến Toà án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, việc nguyên đơn tự khai nhận với nội dung bị đơn có vay số tiền 200.000.000 đồng và chưa thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với phần nợ lãi: Nguyên đơn trình bày từ ngày 02/11/2018, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả lãi như đã thỏa thuận cho đến nay. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chịu trách nhiệm thanh toán nợ gốc, không yêu cầu bà T thanh toán nợ lãi cho đến khi Bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực

pháp luật là có lợi cho bị đơn và đây cũng là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này là có lợi cho bị đơn và đây cũng là quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông M không có yêu cầu, tranh chấp về hợp đồng cổ nhà giữa ông M và bà T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này xem như bị đơn đã từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc là 200.000.000 đồng.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà Lê Thị Thu T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà Thảo phải chịu là: $200.000.000đ \times 5\% = 10.000.000đ$ (Mười triệu đồng);

- Nguyên đơn – ông Trần Văn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Khoản 1 Điều 111, Khoản 1 Điều 112, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Các Điều 280, 351, 357, Khoản 2 Điều 468, Điều 469 và Điều 688 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Lê Thị Thu T chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán cho ông Trần Văn M số tiền còn nợ là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Việc thanh toán tiền được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Lê Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Ông Trần Văn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0019990 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.8;
- VKSND Q.8;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Duy Minh Chính